

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1738/QĐ-ĐHTCM, ngày 08 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

- Tên chương trình (tiếng Việt): KINH TẾ
- Tên chương trình (tiếng Anh): ECONOMICS
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Kinh tế Mã ngành: 7310101
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng
- Hình thức đào tạo: Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1 Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế nhằm cung cấp cho xã hội đội ngũ lao động có phẩm chất chính trị vững vàng; nắm vững nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có đạo đức và sức khỏe tốt; có nền tảng kiến thức về kinh tế - xã hội vững chắc; có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết linh hoạt các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế và quản lý; phát triển khả năng để học tập tiếp các bậc sau đại học và học tập suốt đời.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức

+ PO1: Cung cấp cho sinh viên kiến thức kinh tế và quản lý kinh tế theo hướng chuyên sâu, đủ khả năng tiếp cận và xử lý những công việc đảm nhận trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

+ PO2: Làm chủ kiến thức để có thể giải quyết những tình huống và các vấn đề thực tiễn về quản lý kinh tế trong các cơ quan quản lý kinh tế, các tổ chức kinh tế trong môi trường toàn cầu hóa.

- Về kỹ năng:

+ PO3: Kỹ năng áp dụng những kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý kinh tế để giải quyết các vấn đề về kinh tế và quản lý kinh tế trong thực tiễn.

+ PO4: Kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích một cách độc lập, tổ chức công việc khoa học, lập kế hoạch, quản lý thời gian hiệu quả.

+ PO5: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, đàm phán, làm việc nhóm, soạn thảo văn bản, phân tích, dự báo, giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế.

- Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

+ PO6: Tự tin, linh hoạt, trung thực, trách nhiệm, cẩn thận, tin cậy, chuyên nghiệp trong hoạt động chuyên môn; khả năng tổ chức, phối hợp và làm việc theo nhóm để hoàn thành những công việc được giao đạt yêu cầu.

+ PO7: Khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc:

- Vị trí chuyên viên hoặc quản lý trong các cơ quan quản lý kinh tế các cấp (Trung ương, bộ, sở, ban ngành, địa phương);

- Các tổ chức tư vấn, các tổ chức chính trị, các tổ chức xã hội, các tổ chức phi Chính phủ;

- Các viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo về kinh tế và quản lý kinh tế; các trung tâm nghiên cứu và tư vấn về kinh tế và quản lý kinh tế;

- Làm việc tại các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

Khi có nhu cầu, sinh viên có thể học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kinh tế hoặc các ngành/chuyên ngành khác ở trình độ thạc sĩ.

3. CHUẨN ĐẦU RA:

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên đạt tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

- Về kiến thức

+ PLO1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức về kinh tế và quản lý..

+ PLO2: Sử dụng kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, kiến thức thống kê phục vụ công hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế.

+ PLO3: Vận dụng các kiến thức kinh tế và quản lý trong giải quyết những vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế.

+ PLO4: Phân tích các tình huống, chính sách kinh tế để đưa ra các lựa chọn đầu tư, phương án quản lý kinh tế theo vùng, lãnh thổ và theo ngành.

- Về kỹ năng:

+ PLO5: Kỹ năng vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, kiến thức kinh tế và quản lý kinh tế để phân tích, đánh giá các vấn đề về kinh tế và quản lý kinh tế.

+ PLO6: Sử dụng tiếng Anh thành thạo đạt trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

+ PLO7: Kỹ năng quản lý, điều hành tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc theo nhiệm vụ hoặc theo kế hoạch đã định

+ PLO8: Kỹ năng phân tích chính sách, dự báo kinh tế, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quản lý kinh tế.

- Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

+ PLO9: Có niềm tin, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

+ PLO10: Có thể làm việc độc lập, hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Thời gian đào tạo tối đa: 7 năm.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 120 tín chỉ, không kể chương trình Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

6.1 Quy trình đào tạo: Thực hiện theo Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ, Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM ngày 30/5/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ và Quyết định số 2033/QĐ-ĐHTCM ngày 08/8/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM; Quyết định số 1351/QĐ-ĐHTCM ngày 26/7/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học.

6.2 Địa điểm đào tạo: Các cơ sở đào tạo thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing.

6.3 Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có):

6.4 Điều kiện tốt nghiệp:

6.5 Điều kiện về tích lũy và điểm các học phần: Thực hiện theo Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính –

Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ, Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM ngày 30/5/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ và Quyết định số 2033/QĐ-ĐHTCM ngày 08/8/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM và Quyết định số 1351/QĐ-ĐHTCM ngày 26/7/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học.

- Điều kiện về kỹ năng mềm:

Sinh viên phải có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn (hoặc điểm đạt) tích lũy 3/6 kỹ năng mềm sau đây:

- Kỹ năng Tổ chức công việc và quản lý thời gian
- Kỹ năng Thuyết trình và làm việc nhóm
- Kỹ năng Giao tiếp hiệu quả
- Kỹ năng Giải quyết vấn đề và ra quyết định
- Kỹ năng Lập kế hoạch nghề nghiệp và tìm việc làm
- Kỹ năng Tư duy sáng tạo

- Điều kiện về ngoại ngữ:

Năm tuyển sinh	KNLNN 6 bậc Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	IELTS	TOFEL (PBT/CBT/IBT)	TOEIC	
					02 kỹ năng	04 kỹ năng
2021	3/6	B1	4.5	450/133/45	Nghe & Đọc: 450	Nghe & Đọc: 450 Nói & Viết: 200
2022, 2023	3/6	B1	4.5	477/153/53	Nghe & Đọc: 500	Nghe & Đọc: 500 Nói & Viết: 220
2024, 2025	3/6	B1	5.0	500/173/61	Nghe & Đọc: 550	Nghe & Đọc: 550 Nói & Viết: 240

- Điều kiện về tin học:

- Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT) do các cơ sở giáo dục cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS cấp độ Specialist (MS. Word, MS. Excel) do Microsoft cấp;

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (120 tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học	
a. Kiến thức lý luận chính trị: 11 tín chỉ									
1	011134	Triết học Mác – Lênin	3	2	1	0	0	105	
2	011135	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	1	1	0	0	70	
3	011136	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1	1	0	0	70	
4	011137	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1	1	0	0	70	
5	010016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	1	0	0	70	
b. Kiến thức pháp luật: 3 tín chỉ									

6	010018	Pháp luật đại cương	3	2	1	0	0	105	
c. Ngoại ngữ: 12 tín chỉ									
7	011270	Tiếng Anh tổng quát 1	3	2	1	0	0	105	
8	011271	Tiếng Anh tổng quát 2	3	2	1	0	0	105	
9	011272	Tiếng Anh tổng quát 3	3	2	1	0	0	105	
10	011273	Tiếng Anh tổng quát 4	3	2	1	0	0	105	
d. Toán – Tin học: 8 tín chỉ									
11	010025	Toán cao cấp	4	3	1	0	0	140	
12	011322	Tin học ứng dụng	4	1	2	0	1	125	
e. Chương trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh: (không tính vào tổng khối lượng chương trình đào tạo)									
f. Chương trình Giáo dục thể chất: (không tính vào tổng khối lượng chương trình đào tạo)									

9.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 80 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (120 tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PM P, DN	Tự học (giờ)	
a. Kiến thức cơ sở ngành: 21 tín chỉ									
13	010031	Kinh tế vi mô 1	3	2	1	0	0	105	
14	010032	Kinh tế vĩ mô 1	3	2	1	0	0	105	
15	010038	Nguyên lý kế toán	3	2	1	0	0	105	
16	010630	Nguyên lý marketing	3	2	1	0	0	105	
17	010033	Quản trị học	3	2	1	0	0	105	
18	010873	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	3	2	1	0	0	105	
19	011140	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.	3	2	1	0	0	105	
b. Kiến thức ngành: 29 tín chỉ									
Học phần bắt buộc									
20	010941	Kinh tế vi mô ứng dụng trong QLKT	3	2	1	0	0	105	
21	010937	Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong QLKT	3	2	1	0	0	105	

22	011391	Kinh tế lượng	3	1	0	2	0	75	
23	011163	Kinh tế đầu tư	3	2	1	0	0		
24	010570	Kinh tế quốc tế	3	2	1	0	0	105	
25	011353	Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên	2	1	0	1	0	55	
26	010872	Kinh tế phát triển	3	2	1	0	0	105	
27	011360	Kinh tế công cộng	3	2	1	0	0	105	
28	011370	Phân tích và dự báo kinh tế	3	2	1	1	0	90	
29	011361	Thực hành nghề nghiệp 1	3	0	0	0	3	0	
c. Kiến thức chuyên ngành: 24 tín chỉ									
<i>Học phần bắt buộc</i>									
30	011362	Pháp luật quản lý kinh tế	3	2	0	1	0	90	
31	011354	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	2	0	1	0	90	
32	010622	Marketing địa phương	3	2	1	0	0	105	
33	011363	Chính sách kinh tế	3	2	0	1	0	90	
34	011364	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư	3	2	0	1	0	90	
35	011365	Thực hành nghề nghiệp 2	3	0	0	0	3	0	
<i>Học phần tự chọn: Chọn 1 trong 2 nhóm</i>									
Nhóm 1: định hướng làm việc khu vực công									
36	011355	Quản lý tài chính công	3	2	0	1	0	90	Nhóm 1
37	010315	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	2	1	0	0	105	
Nhóm 2: định hướng làm việc khu vực tư nhân									
38a	010697	Kế toán tài chính 1	3	2	1	0	0	105	Nhóm 2
38b	011356	Phân tích tài chính	3	2	0	1	0	90	
d. Kiến thức bổ trợ ngành: 6 tín chỉ									
39a	011357	Đàm phán trong QLKT	3	2	0	1	0	90	Chọn 1 trong 2 học phần
39b	011358	Quản trị nguồn nhân lực	3	2	0	1	0	90	
40a	011366	Quản lý hành chính văn phòng	3	2	0	1	0	90	Chọn 1 trong 2 học phần
40b	011359	Kinh doanh quốc tế 1	3	2	0	1	0	90	

9.3 Tốt nghiệp: 6 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (120 tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, MP, DN	Tự học	
41	011368	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0	0	6	120	
<i>Hoặc</i>									
42	011369	Thực tập tốt nghiệp	3	0	0	0	3	60	
43	011367	<i>Học phần thay thế</i> Tình huống quản lý kinh tế	3	0	0	0	3	60	

9.4 KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:**Năm 1**

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Triết học Mác – Lênin	3		
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		
3	Toán cao cấp	4		
4	Tin học ứng dụng	4		
5	Kinh tế vi mô 1	3		
6	Kinh tế vĩ mô 1	3		
7	Nguyên lý kế toán	3		
8	Nguyên lý marketing	3		
9	Quản trị học	3		
10	Pháp luật đại cương	3		
11	Tiếng Anh tổng quát 1	3		
12	Tiếng Anh tổng quát 2	3	Tiếng Anh tổng quát 1	
	Tổng	37		

Năm 2

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
3	Kinh tế công cộng	3		
4	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	3		
5	Tiếng Anh tổng quát 3	3	Tiếng Anh tổng quát 2	
6	Kinh tế vi mô ứng dụng trong QLKT	3	Kinh tế vi mô 1	
7	Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong QLKT	3	Kinh tế vĩ mô 1	
8	Kinh tế quốc tế	3		
9	Tiền tệ - ngân hàng và thị trường tài chính 1	3		
10	Kinh tế lượng	3		
11	Tiếng Anh tổng quát 4	3	Tiếng Anh tổng quát 3	
12	Kinh tế phát triển	3		
13	Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên	2		
14	Thực hành nghề nghiệp 1	3		
	Tổng	39		

Năm 3

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		
2	Phân tích và dự báo kinh tế	3		
3	Pháp luật quản lý kinh tế	3		
4	Kinh tế đầu tư	3		
5	Marketing địa phương	3		
6a	Kế toán hành chính sự nghiệp	3		Chọn 1 trong 2 môn
6b	Quản lý tài chính công	3		
7a	Phân tích tài chính	3	Nguyên lý kế toán	Chọn 1 trong 2 môn
7b	Kế toán tài chính 1	3		
8	Quản lý nhà nước về kinh tế	3		

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
9	Chính sách kinh tế	3		
10	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư	3		
11a	Đàm phán trong QLKT	3		Chọn 1 trong 2 môn
11b	Quản trị nguồn nhân lực	3		
12a	Quản lý hành chính văn phòng	3		Chọn 1 trong 2 môn
12b	Kinh doanh quốc tế 1	3		
13	Thực hành nghề nghiệp 2	3		
14	Tổng	38		

Năm 4

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Khóa luận tốt nghiệp	6		
	(hoặc)			
2a	Thực tập tốt nghiệp	3		
2b	Học phần thay thế Tình huống quản lý kinh tế	3		

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**10.1 Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo****❖ Tổ chức thực hiện đào tạo**

Chương trình đào tạo được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm 2021, được đào tạo theo phương thức tín chỉ.

Phòng QLĐT chịu trách nhiệm triển khai đào tạo theo kế hoạch đào tạo theo từng năm/học kỳ.

Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm phân công giảng viên giảng dạy các học phần và hướng dẫn luận văn tốt nghiệp, theo dõi nội dung giảng dạy theo đúng với yêu cầu đề cương chi tiết học phần. Đối với những học phần tự chọn, tùy theo tình hình thực tiễn Khoa chuyên môn sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn học phần phù hợp.

Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo. Hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế.

Sinh viên không đủ điều kiện để đánh giá kết quả đạt học phần sẽ phải đăng ký học lại học phần đó.

❖ Phương pháp giảng dạy – học tập

- *Thuyết giảng:*

Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Học viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

- *Thuyết trình:*

Tùy vào sĩ số lớp, giảng viên sẽ chia thành các nhóm, mỗi nhóm từ 5-7 SV. Mỗi nhóm sẽ được giao một đề tài cụ thể trong phạm vi Học phần. Đến chủ đề của nhóm nào, nhóm đó sẽ lên trình bày trước lớp bằng file power point. Mỗi nhóm sẽ có 20 phút để thuyết trình và 10 phút tương tác, phản biện trước lớp học. Giảng viên sẽ có bảng điểm đánh giá chung của nhóm và đánh giá từng cá nhân tham gia nhóm.

- *Thảo luận nhóm:*

Giảng viên yêu cầu học viên chuẩn bị trước một chủ đề, phân thành nhóm nhỏ với số lượng từ 3 – 5 sinh viên, chuẩn bị nội dung trình chiếu Slide. Trình bày nội dung trước lớp với thời gian từ 20 đến 30 phút. Sau khi thuyết trình, các thành viên trong nhóm sẽ trả lời câu hỏi phản biện của các nhóm còn lại.

- *Bài tập tình huống:*

Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy học viên làm trung tâm, giúp học viên hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu học viên giải quyết, giúp học viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

- *Thực hành tại cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp:*

Đây là phương pháp được thực hiện thông qua việc giới thiệu, tìm hiểu thực tế các hoạt động tại doanh nghiệp. Sinh viên, bằng các kiến thức đã được học, có nhiệm vụ trình bày về thực tế mình tìm hiểu được, liên quan đến chủ đề của nội dung học tập.

10.2 Đảm bảo chất lượng đào tạo

❖ Cơ sở vật chất, công nghệ, trang thiết bị phục vụ giảng dạy

STT	Tên	Mục đích sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Thiết bị trong phòng	Hình thức sử dụng		
					Sở hữu	Liên kết	Thuê

1	Phòng học số: 01 Địa chỉ: 778 Nguyễn Kiệm, Quận Phú Nhuận	Giảng dạy cho các học phần lý thuyết	50	Máy chiếu/máy tính	x		
2	Phòng thực hành số 01 Địa chỉ: 778 Nguyễn Kiệm, Quận Phú Nhuận	Phục vụ giảng dạy thực hành trong các học phần thực hành	100	Phần mềm thống kê	x		
3	Phòng học số: 02 Địa chỉ: 24 Tân Mỹ Q7	Giảng dạy cho các học phần lý thuyết	50	Máy chiếu/máy tính	x		
4	Phòng thực hành số 02 Địa chỉ: 778 Nguyễn Kiệm 24 Tân Mỹ, Q7	Phục vụ giảng dạy thực hành trong các học phần thực hành	100	Phần mềm thống kê	x		

❖ **Học liệu**

Danh sách giáo trình, tài liệu tham khảo sử dụng trong chương trình đào tạo

STT	Tên giáo trình/ tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Sử dụng trong các trường ĐH - Hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội	2022	Triết học Mác – Lenin
2	Tài liệu học tập Triết học Mác-Lênin	Trường Đại học chính- Marketing	Lưu hành nội bộ	2020	Triết học Mác – Lenin

3	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Sử dụng trong các trường ĐH - Hệ chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội	2022	Triết học Mác - Lênin
4	Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2021	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
5	C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập	C.Mác và Ph.Ăngghen	Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội	1999	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
6	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
7	Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Klaus Schwab (Bộ ngoại giao dịch và hiệu đính)	Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội	2018	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
8	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ giáo dục và đào tạo	Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2021	Chủ nghĩa xã hội khoa học
9	Tài liệu học tập học phần CNXHKH (dành cho chương trình chất lượng cao)	TS. Phạm Lê Quang, Th.S. Bùi Minh nghĩa	Lưu hành nội bộ	2020	Chủ nghĩa xã hội khoa học
10	Slide bài giảng học phần CNXHKH	Bộ môn Mác - Lênin, trường Đại học Tài chính - Marketing	Lưu hành nội bộ	2022	Chủ nghĩa xã hội khoa học
11	Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc	Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2018	Chủ nghĩa xã hội khoa học
12	Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, (bổ sung và phát triển)	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb. Sự Thật, Hà Nội	2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học

13	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2010	Chủ nghĩa xã hội khoa học
14	Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới	GS. TS. Phùng Hữu Phú, GS.TS Lê Hữu Nghĩa, GS.TS. Vũ Văn Hiền, PGS.TS Nguyễn Viết Thông...	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.	2018	Chủ nghĩa xã hội khoa học
15	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2022	Chủ nghĩa xã hội khoa học
16	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội,	2021	Lịch sử ĐCSVN
17	Tài liệu học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trường Đại học Tài chính - Marketing	Lưu hành nội bộ	2020	Lịch sử ĐCSVN
18	Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia	Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội	2018	Lịch sử ĐCSVN
19	Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tập I, II và III)	Bộ Giáo dục và đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2007	Lịch sử ĐCSVN

20	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2006	Lịch sử ĐCSVN
21	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2016	Lịch sử ĐCSVN
22	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh
23	Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trường Đại học Tài chính - Marketing	Lưu hành nội bộ	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh
24	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb. Chính trị quốc gia	2017	Tư tưởng Hồ Chí Minh
25	Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam	Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Nxb. Chính trị quốc gia	2011	Tư tưởng Hồ Chí Minh
26	Hồ Chí Minh toàn tập tập 1 – 15		Nxb. Chính trị quốc gia	2011	Tư tưởng Hồ Chí Minh
27	Hồ Chí Minh – Tiểu sử.	Lê Minh Toàn	Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội	2006	Tư tưởng Hồ Chí Minh
28	Tập bài giảng Pháp luật đại cương	Nguyễn Minh Đoan		2018	Pháp luật đại cương
29	Giáo trình “Lý luận về nhà nước và pháp luật”	Burton, G.	CAND	2021	Pháp luật đại cương
30	Giáo trình Pháp luật đại cương.	Burton, G.	CTQG Sự thật	2022	

31	Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật.		CTQG Sự thật	2020	Pháp luật đại cương
32	Personal Best B1 ⁺ (A)		Richmond	2017	Tiếng Anh tổng quát 1
33	Personal Best B1 ⁺ (B)		Richmond	2017	Tiếng Anh tổng quát 2
34	Business Partner A2 ⁺	Margaret O., Iwonna D., Marjorie R.	Pearson	2019	Tiếng Anh tổng quát 3, 4
35	Giáo trình Toán cao cấp	Nguyễn Huy Hoàng (chủ biên)	Nhà xuất bản Tài chính	2019	Toán cao cấp
36	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	Nguyễn Huy Hoàng (chủ biên)	Nhà xuất bản Tài chính	2021	Toán cao cấp
37	Tập bài giảng Tin học đại cương hướng đến chuẩn Mos và IC3	Trương Đình Hải Thụy, Trần Trọng Hiếu, Trương Xuân Hương, Trần Thanh San, Đinh Xuân Thọ		2018	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
38	Microsoft Office 2019 Step by Step	Curties Frye	Microsoft Press	2018	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
39	Kinh tế học vi mô (Nhóm giảng viên khoa Kinh tế học Đại học Kinh tế Quốc dân dịch)	David Begg, Stanley Fischer and Rudiger Dornbusch	Thống Kê	2018	Kinh tế vi mô 1
40	Hướng dẫn tự học Kinh tế vi mô	Nhóm tác giả Bộ môn Kinh tế học, Trường Đại học Tài chính - Marketing	Trường Đại học Tài Chính - Marketing	2018	Kinh tế vi mô 1

41	Giáo trình Kinh tế vĩ mô	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư (chủ biên)	Trường Đại học Tài Chính – Marketing	2022	Kinh tế vi mô 1
42	Kinh tế học vĩ mô (Khoa Kinh Tế trường ĐH Kinh tế Tp.HCM dịch)	N. Gregory Mankiw	Nxb. Hồng Đức	2019	Kinh tế vĩ mô 1
43	Hướng dẫn tự học Kinh tế vĩ mô	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư (chủ biên)	Trường Đại học Tài Chính – Marketing	2018	Kinh tế vĩ mô 1
44	Nguyên lý kế toán	Ngô Thị Mỹ Thúy và cộng sự	NXB Tài chính	2022	Nguyên lý kế toán
45	Bài tập Nguyên lý kế toán	Khoa KTKT	Tài liệu học tập Trường ĐH Tài chính Marketing	2020	Nguyên lý kế toán
46	Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị và cộng sự	NXB Tài chính	2018	Nguyên lý kế toán
47	Nguyên lý kế toán	Vũ Hữu Đức và cộng sự	NXB Kinh tế	2020	Nguyên lý kế toán
48	Marketing căn bản	Ngô Thị Thu (chủ biên) và cộng sự	Lao động xã hội	2011	Nguyên lý Marketing
49	Nguyên lý Marketing	Ngô Thị Thu và cộng sự	Lưu hành nội bộ	2020	Nguyên lý Marketing
50	Principles of marketing	Kotler, P., & Armstrong, G.	Pearson	2021	Nguyên lý Marketing
51	Quản trị học	Cảnh Chí Hoàng	Lưu hành nội bộ	2021	Quản trị học
52	Fundamentals of Management	Ricky Griffin	South-Western Cengage Learning.	2018	Quản trị học

53	Bài giảng tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1	Khoa Tài chính – Ngân hàng	Lưu hành Nội bộ	2019	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1
54	The Economics of Money, Banking and Financial Markets,	Mishkin, F	Edn. Pearson	2019	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1
55	Financial Markets & Institutions	Mishkin, F. and Eakins, S.	Edn. Pearson	2018	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1
56	Bài giảng Lý thuyết Xác suất và Thống kê	Dương Thị Phương Liên(chủ biên)	Trường Đại học Tài Chính – Marketing	2015	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
57	Giáo trình Lý thuyết xác suất và Thống kê toán	Nguyễn Cao Văn(chủ biên)	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
58	Advanced Microeconomic theory (3th edition)	Geoffrey A. Jehle Philip J. Reny	Prentice Hall	2020	Kinh tế vi mô ứng dụng trong QLKT
59	Kinh tế học (tập 1)	Paul A. Samuelson & Nordhaus	Nhà xuất bản Tài chính.	2018	Kinh tế vi mô ứng dụng trong QLKT
60	Macroeconomics, 9th edition	G. Mankiw	Havard University McGraw Worth Publisher.	2016	Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong QLKT
61	Macroeconomics, 5th edition	Paul Krugman and Robin Wells	Worth Publishers	2017	Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong QLKT
62	Bài giảng Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Ngọc	NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân, Hà Nội	2019	Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong QLKT

63	Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung	NXB Kinh Tế TP.Hồ Chí Minh	2019	Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong QLKT
64	Bài giảng Kinh tế lượng	Nhóm tác giả Bộ môn Toán, Trường Đại học Tài chính - Marketing	Trường Đại học Tài Chính - Marketing	2013	Kinh tế lượng
65	Basic Econometrics, 3rd edition. (Ấn bản lần 3 do Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright biên dịch)	Damodar N. Gujarati	McGraw-Hill International	1995	Kinh tế lượng
66	Kinh tế đầu tư	Từ Quang Phuong, Phạm Văn Hùng	Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân.	2020	Kinh tế đầu tư
67	Quản lý dự án đầu tư	Từ Quang Phuong, Phạm Văn Hùng	Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân.	2018	Kinh tế đầu tư
68	Giáo trình Kinh tế đầu tư	Từ Quang Phuong, Phạm Văn Hùng	Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân.	2020	Kinh tế đầu tư
69	Giáo trình Quản lý dự án đầu tư	Từ Quang Phuong, Phạm Văn Hùng	Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân	2018	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư
70	Kinh tế quốc tế	Hoàng Thị Chính, Nguyễn Phú Tụ	NXB Thống kê	2016	Kinh tế quốc tế
71	Kinh tế học quốc tế	Hạ Thị Thiều Dao	NXB. Thống kê	2016	Kinh tế quốc tế
72	Giáo trình Kinh tế quốc tế	Trần Nhuận Kiên	NXB Khoa học xã hội, Hà Nội	2013	Kinh tế quốc tế

73	Kinh tế học quốc tế – Lý thuyết và chính sách, tập I (Những vấn đề về thương mại quốc tế) – bản dịch	McGrawHill, Paul R. Krugman, Maurice Obstfeld	NXB Chính trị quốc gia	1996	Kinh tế quốc tế
74	International Economics. 15th Edition	Thomas Pugel	McGraw Hill/Irwin	2012	Kinh tế quốc tế
75	Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường.	Lê Ngọc Uyển	Nxb. Giáo dục	2017	Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên
76	Environmental and Natural Resource Economics (11 th Edition).	Tietenberg and Lewis.	Routledge Newyork	2018	Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên
77	Kinh tế phát triển	Phan Minh Tuấn	Nhà Xuất Bản Xây dựng	2022	Kinh tế phát triển
78	Kinh tế phát triển căn bản & nâng cao	Đinh Phi Hồ	NXB Kinh Tế Tp.HCM	2015	Kinh tế phát triển
79	Economics Development, tenth edition England	Todaro M.P & Stephen C.Smith	Pearson Education Limited	2009	Kinh tế phát triển
80	Development economics: Theory and practice	De Janvry, A., & Sadoulet, E.	Routledge	2015	Kinh tế phát triển
81	Giáo trình Kinh tế công cộng	Bùi Đại Dũng, Ngô Văn Nam	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2018	Kinh tế công cộng
82	Kinh tế công cộng	Vũ Cương, Phạm Văn Vận	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2013	Kinh tế công cộng
83	Kinh tế công cộng	Nguyễn Thuần, Trần Thu Vân	Nxb. Kinh tế TP. HCM	2013	Kinh tế công cộng

84	Giáo trình Kinh tế công cộng	Nguyễn Văn Dân, Đỗ Thị Thục	NXB Tài Chính	2013	Kinh tế công cộng
85	Kinh tế học công cộng	Joseph E. Stiglitz	NXB Khoa học Kỹ Thuật Hà Nội	1995	Kinh tế công cộng
86	Kinh tế cộng cộng	Nguyễn Thuần	NXB. Thống kê. TP. HCM	2010	Kinh tế công cộng
87	Multivariate methods and forecasting with IBM® SPSS® statistics.	Aljandali, A.	New York, NY: Springer.	2017	Phân tích và dự báo kinh tế
88	Data science for business and decision making	Favero, L., & Belfiore, P.	Academic Press	2019	Phân tích và dự báo kinh tế
89	Introduction to time series analysis and forecasting	Montgomery, D. C., Jennings, C. L., & Kulahci, M.	John Wiley & Sons	2015	Phân tích và dự báo kinh tế
90	Statistical methods in psychiatry research and SPSS	Reddy, M. V.	CRC Press	2019	Phân tích và dự báo kinh tế
91	An introduction to statistical methods and data analysis	Ott, R. L., & Longnecker, M. T.	Cengage Learning	2015	Phân tích và dự báo kinh tế
92	Statistics for business and economics (pp. 074-0188)	McClave, J. T., Benson, P. G., Sincich, T., & Sincich, T.	Boston: Pearson	2014	Phân tích và dự báo kinh tế
93	Time series analysis and forecasting by example	Bisgaard, S., & Kulahci, M.	John Wiley & Sons	2011	Phân tích và dự báo kinh tế
94	Luật doanh nghiệp	QH14	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật	2020	Pháp luật quản lý kinh tế

95	Luật đất đai	QH13	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật	2013	Pháp luật quản lý kinh tế
96	Luật đầu tư công	QH 14	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật	2019	Pháp luật quản lý kinh tế
97	Luật quản lý tài sản công	QH14	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật	2017	Pháp luật quản lý kinh tế
98	Quản lý nhà nước về kinh tế	Phan Huy Đường	Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội	2018	Quản lý nhà nước về kinh tế
99	Giáo trình Quản lý kinh tế	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội	2018	Quản lý nhà nước về kinh tế
100	Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế	Đỗ Hoàn Toàn, Mai Văn Bưu	Nxb. Đại học Đại học kinh tế quốc dân.	2019	Quản lý nhà nước về kinh tế
101	Giáo trình Quản lý phát triển địa phương	Đàm Văn Nhuệ, Nguyễn Xuân Thu và Nguyễn Cúc	Nhà xuất bản Chính trị Quốc Gia. Hà Nội	2015	Marketing địa phương
102	Giáo trình chính sách kinh tế xã hội.	Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nxb. Khoa học và Kỹ Thuật	2018	Chính sách kinh tế
103	Giáo trình chính sách kinh tế xã hội.	Phạm Văn Dũng, Hoàng Triều Hoa, Nguyễn Thị Thu Hoài	Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.	2018	Chính sách kinh tế
104	Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực.	Cảnh Chí Hoàng	Trường ĐH Tài chính Marketing	– 2017	Quản trị nguồn nhân lực

105	Quản trị nguồn nhân lực (Tái bản lần 10)	Vũ Hoàng Ngân	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2015	Quản trị nguồn nhân lực
106	Giáo trình Quản lý tài chính công	Bùi Tiến Hanh, Phạm Thị Hoàng Phương	Nxb. Tài chính	2021	Quản lý tài chính công
107	Giáo trình kế toán tài hành chính sự nghiệp nghiệp	Nguyễn Ngọc Quang	Nxb. Giáo dục	2020	Kế toán hành chính sự nghiệp
108	Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp	Trương Thị Thủy, Ngô Thị Thu Hồng	Nxb. Tài chính	2020	Kế toán tài chính 1
109	Giáo trình phân tích tài chính	Đỗ Hồng Nhung	Nxb.Đại học kinh tế quốc dân	2021	Phân tích tài chính
110	Essential of Negotiation. 6 th edition	Roy J Lewicki, Bruce Barry, David M Saunders	McGraw-Hill Education	2016	Đàm phán trong QLKT
111	Conflict Management: A Practical Guide to Developing Negotiation Strategies	Pearson-Prentice Hall Edition: 2019. ISBN: 0131193236.	Pearson- Prentice Hall Edition	2019	Đàm phán trong QLKT
112	Giáo trình Quản trị văn phòng	Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Diệp, Trần Phương Hiền	Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân	2020	Quản trị nguồn nhân lực
113	Kỹ thuật soạn thảo và Quản lý văn bản	Trần Thị Thu Hương, Phạm Thanh Dũng, Mang Văn Thới	Nxb. Phương Đông	2021	Quản lý hành chính văn phòng
114	Bài giảng Kinh doanh quốc tế 1	Đoàn Nam Hải (2019).	Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Tài chính - Marketing	2019	Kinh doanh quốc tế 1

115	Kinh doanh quốc tế hiện đại	Hill, C. W. L. Dịch từ tiếng Anh. Người dịch: Bộ môn kinh doanh quốc tế	NXB Kinh tế Tp.HCM.	2014	Kinh doanh quốc tế 1
-----	-----------------------------	---	---------------------	------	----------------------

❖ Giảng viên tham gia giảng dạy:

STT	HỌ VÀ TÊN	HỌC HÀM - HỌC VỊ	HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY
1	Phạm Lê Quang	Tiến sĩ	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam
2	Lại Văn Nam	Tiến sĩ	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị
3	Nguyễn Minh Hiền	Thạc sĩ	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Chính trị
4	Kinh Thị Tuyết	Thạc sĩ	Pháp Luật đại cương
5	Trần Văn Bình	Thạc sĩ	Pháp Luật đại cương
6	Đặng Chung Kiên	Thạc sĩ	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị
7	Lê Văn Dũng	Thạc sĩ	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam
8	Bùi Minh Nghĩa	Thạc sĩ	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị
9	Đàm Thị Hằng	Thạc sĩ	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị
10	Mạch Ngọc Thủy,	Thạc sĩ	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Chính trị
11	Ngô Quang Thịnh	Thạc sĩ,	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Chính trị
12	Đỗ Thị Thanh Huyền	Thạc sĩ	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học,

			Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị
13	Hoàng Thị Mỹ Nhân	Thạc sĩ	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, Chính trị
14	Lê Thị Hoài Nghĩa	Thạc sĩ	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị
15	Nguyễn Huy Hoàng	Thạc sĩ	Toán cao cấp, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.
16	Nguyễn Văn Phong	Thạc sĩ	Toán cao cấp, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.
17	Nguyễn Tuấn Duy	Tiến sĩ	Toán cao cấp, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.
18	Ngô Thái Hưng	Tiến sĩ	Toán cao cấp, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.
19	Võ Thị Bích Khuê	Tiến sĩ	Toán cao cấp, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.
20	Nguyễn Đức Bằng	Thạc sĩ	Toán cao cấp, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.
21	Nguyễn Trung Đông	Thạc sĩ	Toán cao cấp, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.
22	Phạm Thị Thu Hiền	Thạc sĩ	Toán cao cấp, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.

23	Dương Thị Phương Liên	Thạc sĩ	Toán cao cấp, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.
24	Trần Mạnh Tường	Thạc sĩ	Toán cao cấp, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.
25	Vũ Anh Linh Duy	Thạc sĩ	Toán cao cấp, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.
26	Nguyễn Quyết	Tiến sĩ, 2018	Toán cao cấp, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.
27	Nguyễn Bá Thanh	Thạc sĩ	Toán cao cấp, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.
28	Phạm Việt Huy	Thạc sĩ	Toán cao cấp, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.
29	Phan Trí Kiên	Thạc sĩ	Toán cao cấp, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.
30	Lê Thị Ngọc Hạnh	Thạc sĩ	Toán cao cấp, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.
31	Nguyễn Thị Hồng Vân	Thạc sĩ	Toán cao cấp, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng.
32	Lê Thị Bích Thảo	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô,...
33	Tô Thị Đông Hà	Thạc sĩ	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,...
34	Phạm Thị Nguyệt Sương	Thạc sĩ	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế

35	Nguyễn Thị Thái Thuận	Thạc sĩ	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,...
36	Thái Thị Tường Vi	Thạc sĩ	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,...
37	Hồ Thị Thanh Trúc	Thạc sĩ	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,...
38	Ngô Thị Duyên	Thạc sĩ	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,...
39	Đoàn Ngọc Phúc	Tiến sĩ	Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1,
40	Phan Ngọc Yến Xuân	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1,
41	Hoàng Thị Xuân	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1,
42	Nguyễn Thị Hào	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1,
43	Nguyễn Thị Quý	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1,
44	Ngô Thị Hồng Giang	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1,
45	Lại Thị Tuyết Lan	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1,
46	Phạm Thị Vân Anh	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1,
47	Trần Hạ Long,	Thạc sĩ	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam
48	Vũ Văn Quế	Thạc sĩ	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam
49	Nguyễn Thái Hà	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
50	Nguyễn Nam Phong	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
51	Nguyễn Anh Tuấn	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
52	Ngô Thị Thu	Tiến sĩ	Nguyên lý Marketing
53	Ngô Vũ Quỳnh Thi	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
54	Nguyễn Ngọc Bích	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing

	Trâm		
55	Trần Nhật Minh	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
56	Ninh Đức Cúc Nhật	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
57	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
58	Ngô Minh Trang	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
59	Nguyễn Đông Triều	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
60	Trịnh Thị Hồng Minh	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
61	Huỳnh Trị An	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
62	Nguyễn Ngọc Hạnh	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
63	Nguyễn Thị Thoa	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
64	Nguyễn Thị Thúy	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
65	Lâm Ngọc Thùy	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
66	Nguyễn Thị Hồng Nguyệt,	Tiến sĩ	Nguyên lý Marketing
67	Đặng Huỳnh Phương	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
68	Trần Hằng Diệu	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
69	Nguyễn Thị Nga Dung,	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
70	Thái Trần Văn Hạnh	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
71	Nguyễn Minh Hằng,	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
72	Lê Quang Mẫn	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
73	Vương Thị Thanh Nhân	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
74	Phạm Thị Kim Thanh	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán

75	Nguyễn Hà Minh Thi	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
76	Ngô Thị Mỹ Thúy	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
77	Chu Thị Thương	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
78	Lê Văn Tuấn	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
79	Dương Hoàng Ngọc Khuê	Tiến sĩ	Nguyên lý kế toán
80	Ngô Nhật Phương Diễm	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
81	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
82	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
83	Ung Hiền Nhã Thi	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
84	Trần Văn Trung	Thạc sĩ	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1
85	Vũ Thanh Tùng	Thạc sĩ	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1
86	Chu Thị Thanh Trang	Thạc sĩ	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1
87	Nguyễn Xuân Dũng	Thạc sĩ	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1
88	Lê Thị Ngọc Phượng	Thạc sĩ	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1
89	Trần Thị Thanh Nga	Tiến sĩ	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1
90	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Thạc sĩ	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1
91	Trương Xuân Hương	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng

92	Nguyễn Thị Trần Lộc	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng
93	Tôn Thất Hòa An	Tiến sĩ	Tin học ứng dụng
94	Lâm Hoàng Trúc Mai	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng
95	Phạm Thủy T	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng
96	Trương Đình Hải Thụy	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng
87	Nguyễn Thanh Trường	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng
98	Trần Thanh San	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng
99	Trần Trọng Hiế	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng
100	Trần Anh Sơn	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng
101	Võ Xuân Thê	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng
102	Nguyễn Huy Khang	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng
103	Nguyễn Quốc Thanh	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng
104	Huỳnh Ngọc Thành Trung	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng
105	Nguyễn Thanh Bình	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng
106	Lê Thị Kim Thoa,	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng
107	Đinh Nguyễn Thúy Nguyệt	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng
108	Nguyễn Thị Châu Ngân	Tiến sĩ	Anh văn tổng quát 1, 2, 3, 4
109	Phạm Thị Thùy Trang	Thạc sĩ	Anh văn tổng quát 1, 2, 3, 4
110	Nguyễn Thị Bội Ngọc	Thạc sĩ	Anh văn tổng quát 1, 2, 3, 4
111	Nguyễn Thị Công Dung	Thạc sĩ	Anh văn tổng quát 1, 2, 3, 4

112	Nguyễn Thị Kim Ba	Thạc sĩ	Anh văn tổng quát 1, 2, 3, 4
113	Chu Quang Phê,	Thạc sĩ	Anh văn tổng quát 1, 2, 3, 4
114	Nguyễn Thị Thúy An	Thạc sĩ	Anh văn tổng quát 1, 2, 3, 4
115	Phạm Thị Ngọc Mai	Tiến sĩ	Quản trị học
116	Trần Nhân Phúc	Tiến sĩ	Quản trị học
117	Trần Thế Nam	Thạc sĩ	Quản trị học
118	Nguyễn Thị Minh Trâm	Thạc sĩ	Quản trị học
119	Đoàn Ngọc Phúc	Tiến sĩ	Kinh tế đầu tư
120	Huỳnh Thế Nguyễn	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
121	Nguyễn Văn Tuyên	Tiến sĩ	Thẩm định và Quản lý dự án đầu tư
122	Trần Văn Bình	Thạc sĩ	Pháp luật về Quản lý kinh tế
123	Đỗ Gioan Hào	Thạc sĩ	Quản lý tài chính công
124	Nguyễn Võ Huệ Anh,	Thạc sĩ	Đàm phán trong quản lý kinh tế
125	Trần Văn Hưng	Tiến sĩ	Quản lý nguồn nhân lực
126	Nguyễn Thị Quý	Thạc sĩ	Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên
127	Ngô Thị Hồng Giang	Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
128	Nguyễn Văn Vẹn	Tiến sĩ	Quản lý nhà nước về kinh tế
129	Dư Thị Chung	Tiến sĩ	Marketing địa phương
130	Trần Thị Hồng Vân	Tiến sĩ	Kế toán hành chính sự nghiệp
131	Cảnh Chí Hoàng	Tiến sĩ	Quản lý rủi ro và khủng hoảng
132	Nguyễn Thị Hồng Nguyệt	Tiến sĩ	Marketing địa phương

133	Nguyễn Thị Nhân	Thạc sĩ	Quản lý hành chính văn phòng
134	Nguyễn Xuân Hiệp	Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế 1
135	Đoàn Thanh Tịnh	Tiến sĩ	Chính sách kinh tế
136	Hồ Thủy Tiên	Phó giáo sư, tiến sĩ	Phân tích tài chính
137	Trần Văn Bình	Thạc sĩ	Pháp luật Quản lý kinh tế
138	Phan Ngọc Yến Xuân	Thạc sĩ	Kinh tế công cộng
139	Nguyễn Võ Huệ Anh	Thạc sĩ	Đàm phán trong quản lý kinh tế
140	Trần Văn Hưng	Tiến sĩ	Quản lý nguồn nhân lực
141	Nguyễn Thị Quý	Thạc sĩ	Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên
142	Nguyễn Quyết	Tiến sĩ	Phân tích & Dự báo kinh tế
143	Trần Thị Mơ	Thạc sĩ	Quản lý tài chính công
144	Dương Hoàng Ngọc Khuê	Tiến sĩ	Kế toán tài chính 1
145	Phạm Thị Hải	Tiến sĩ	Đàm phán trong Quản lý kinh tế
146	Phạm Thị Vân Anh	Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế
147	Nguyễn Bá Thanh	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô ứng dụng trong QLKT
148	Đoàn Ngọc Phúc	Tiến sĩ	Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong QLKT
149	Tô Thị Đông Hà	Thạc sĩ	Pháp luật Quản lý kinh tế
150	Trần Hồng Vân	Tiến sĩ	Kế toán hành chính sự nghiệp

11. MA TRẬN LIÊN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
		Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
I. Kiến thức giáo dục đại cương											
1.1 Kiến thức lý luận chính trị											
011134	Triết học Mác - Lênin	I				R				R	
011135	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	I				R				R	
011136	Chủ nghĩa xã hội khoa học	I				R				R	
011137	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	I				R				R	
010016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	I				R				R	
1.2 Kiến thức pháp luật											
010018	Pháp luật đại cương	I				R					

1.3 Ngoại ngữ

011270	Tiếng Anh tổng quát 1						R				
011271	Tiếng Anh tổng quát 2						R				
011272	Tiếng Anh tổng quát 3						R				
011273	Tiếng Anh tổng quát 4						R				

1.4 Toán – Tin học:

010025	Toán cao cấp	I				R					
011322	Tin học ứng dụng		R								

II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**2.1 Kiến thức cơ sở ngành**

010031	Kinh tế vi mô 1	I				R				R	
010032	Kinh tế vĩ mô 1	I				R				R	
010038	Nguyên lý kế toán	R				R					
010630	Nguyên lý marketing	I				R				R	
010033	Quản trị học	I				I					R

010873	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	I				R				M	
011140	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	I				R					
2.2 Kiến thức ngành											
010941	Kinh tế vi mô ứng dụng trong QLKT		M	M		M			M	R	R
010937	Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong QLKT		M	M		M			M	R	R
011391	Kinh tế lượng		R	R		R					R
011163	Kinh tế đầu tư			M	M	M		M		M	M
010570	Kinh tế quốc tế	M			R	M				M	M
011353	Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên			M					M	M	
010872	Kinh tế phát triển	M			R	M				M	M
011360	Kinh tế				M				M	M	

	công cộng										
011370	Phân tích và dự báo kinh tế			M	M	M			M	M	
011361	Thực hành nghề nghiệp 1		M	M	M	M			M	M	M

2.3 Kiến thức chuyên ngành

011362	Pháp luật quản lý kinh tế	R		R	R			M		R	
011354	Quản lý nhà nước về kinh tế			M	M			M		M	
010622	Marketing địa phương			M	A				M	M	M
011363	Chính sách kinh tế			M	M				M	M	
011364	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư			M	A				M	M	
011365	Thực hành nghề nghiệp 2	R		M	M	M			M	M	
011355	Quản lý tài chính công			M	A				M	M	
010315	Kế toán hành chính sự			M	M				M	M	

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

13. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

13.1. Triết học Mác – Lênin: 3TC

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu của học phần:*
 - Học phần giúp xác lập thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin cho sinh viên.
 - Sau khi lĩnh hội tri thức Triết học Mác-Lênin, sinh viên tự tin vào năng lực tư duy lý luận của mình để từng bước nhận thức về bản thân, đánh giá các sự vật, sự việc, các vấn đề trong công việc một cách khách quan trong sự vận động, biến đổi, phát triển của chúng.
 - *Tóm tắt nội dung:* Học phần trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm đưa đến ra cái nhìn tổng quát về đối tượng và phạm vi của Học phần và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Giới thiệu những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác-Lênin vừa là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra. Học phần giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I); PLO5 (R); PLO9 (I).

13.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 2TC

- ❖ Học phần học trước: Triết học Mác - Lênin
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu của học phần:*
 - Có kiến thức lý luận căn bản của kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở đó tiếp cận các môn khoa học kinh tế ngành và các

môn khoa học khác. Có khả năng phân tích, giải thích, so sánh được và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội. Từ đó xây dựng niềm tin lý tưởng cách mạng, đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.

Tóm tắt nội dung: Học phần trình bày khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hóa; nguồn gốc, bản chất và chức năng cơ bản của tiền; dịch vụ và các hàng hóa đặc biệt; thị trường và các chủ thể tham gia thị trường. Sự sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản; sự tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Lý luận của Lenin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; vấn đề độc quyền và độc quyền nhà nước. Tính tất yếu khách quan và đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9(R).

13.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2TC

❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

Mục tiêu của học phần: Sau khi học xong học phần này, sinh viên phân tích được những quy luật, tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; vận dụng kiến thức đã học để giải thích những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; xác lập căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của các thế lực phản động đối với Đảng, Nhà nước, chủ nghĩa xã hội; hình thành thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, từ đó, củng cố niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới. Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9®.

13.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2TC

❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng: Hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; Hình thành tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm những nội dung cụ thể sau: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9®

13.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 2TC

❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần sinh viên trình bày được sự ra đời và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam và những chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng từ khi Đảng ra đời cho đến nay; Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập Học phần và vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. Qua đó, giáo dục lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và của dân tộc; xây dựng thái độ chính trị đúng đắn; củng cố, bồi đắp niềm tin của sinh viên đối với sự lãnh đạo của Đảng.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một học phần thuộc các môn khoa học lý luận chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ

nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9(R)

13.6. Pháp luật đại cương: 3TC

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật, biết tìm kiếm và vận dụng những quy phạm pháp luật có liên quan để xử lý các vấn đề pháp lý thông dụng. Từ đó, người học có nền tảng kiến thức vững vàng để học tiếp các học phần pháp luật khác; đồng thời, hình thành ý thức pháp luật tốt trong công việc và đời sống.

Tóm tắt nội dung: Học phần này gồm hai phần: phần đầu chuyển tải các vấn đề cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật (như nguồn gốc, bản chất, thuộc tính, chức năng; hình thức của nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý). Phần 2 cung cấp khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh... và nội dung cơ bản của các chế định quan trọng của một số ngành luật thuộc lĩnh vực pháp luật tư.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R).

13.7. Tiếng Anh tổng quát 1 3 tín chỉ

- ❖ Điều kiện tiên quyết: Đạt điểm thi Tiếng Anh đầu vào TOEIC ≥ 300
- ❖ **Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:**

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về ngữ pháp cùng với nguồn từ vựng phong phú về các chủ đề như du lịch, mua sắm, giao tiếp, giáo dục, việc làm, để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ tiền trung cấp (A2-B1), vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, giao tiếp tốt trong những tình huống quen thuộc. Bên cạnh đó, sinh viên cũng phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh tổng quát 1 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 1 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc câu được sử dụng thường xuyên qua các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như du lịch, mua sắm, giao tiếp, giáo dục, việc làm.

- ❖ **Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:** PLO6 (R)

13.8. Tiếng Anh tổng quát 2 3 tín chỉ

- ❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức ngôn ngữ đã học để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ trung cấp (B1), vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, giao tiếp tốt trong những tình huống quen thuộc. Bên cạnh đó, sinh viên cũng phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh tổng quát 2 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 1 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc câu được sử dụng thường xuyên qua các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như giải trí, sức khỏe, thực phẩm, tệ nạn xã hội và thế giới tự nhiên.

❖ **Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)**

13.9. Tiếng Anh tổng quát 3 3 tín chỉ

❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 2

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên vận dụng được các kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh ở cấp độ tiền trung cấp vào việc thiết kế các cuộc phỏng vấn ngắn, giải quyết các tình huống trong công việc; áp dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, email, tin nhắn phản hồi trong những tình huống quen thuộc về môi trường kinh doanh. Bên cạnh đó, các hoạt động làm việc theo cặp, nhóm giúp sinh phát triển kỹ năng làm việc thực tế như đàm phán, thuyết trình, xây dựng mối quan hệ, nhận thức về phong cách giao tiếp và giải quyết các vấn đề giao tiếp thông thường, từ đó sinh viên phát huy thái độ tích cực, chủ động, đáp ứng tốt hơn cho công việc trong tương lai.

▪ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tiếng Anh tổng quát 3 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 2 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn sau khi đã hoàn thành chương trình của học phần Tiếng Anh tổng quát 1 và học phần Tiếng Anh tổng quát 2. Học phần này cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức giao tiếp thực tế trong môi trường làm việc thể hiện qua nội dung trong các bài tập tình huống cụ thể tại công sở, cung cấp kiến thức từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về kinh tế, tập trung vào các mảng đề tài như: mô tả công việc, giới thiệu bản thân trong buổi phỏng vấn xin việc, mô tả về công ty, mô tả về sản phẩm, các hoạt động liên quan đến marketing, tài chính, kinh doanh quốc tế ... Sinh viên hiểu và vận dụng được từ vựng về các chủ đề trong lĩnh vực kinh tế để chuẩn bị tốt cho việc học chuyên ngành vào những học kỳ sau.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 ®.

13.10. Tiếng Anh tổng quát 4 **3 tín chỉ**

❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 3

❖ **Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:**

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên phát triển và vận dụng tốt các kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp trong kinh doanh ở cấp độ tiền trung cấp thông qua việc thực hành tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, như giới thiệu bản thân một cách tự tin trong các cuộc phỏng vấn việc làm, xử lý các tình huống trong công việc; vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn, email, tin nhắn phản hồi trong những tình huống quen thuộc, và phát triển sự hiểu biết của sinh viên về thế giới kinh doanh. Bên cạnh đó, sinh viên phát triển kỹ năng thực tế bao gồm đàm phán, thuyết trình, xây dựng mối quan hệ, nhận thức về phong cách giao tiếp và cách xử lý tốt nhất các vấn đề giao tiếp thông qua các hoạt động làm việc theo cặp, nhóm, từ đó xây dựng cho sinh viên thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh tổng quát 4 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 2 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn. Học phần này cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về kinh tế, tập trung vào các mảng đề tài như: mô tả vị trí việc làm, mô tả về thị trường và nhu cầu của thị trường, công việc sản xuất; các hoạt động liên quan đến marketing; tài chính; kinh doanh quốc tế; môi trường làm việc. Sinh viên được trang bị từ vựng về các chủ đề trong lĩnh vực kinh tế để chuẩn bị tốt cho việc học chuyên ngành vào những học kỳ sau.

❖ **Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)**

13.11. Toán cao cấp: 4TC

❖ Học phần học trước: Không

❖ **Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:**

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các kiến thức về cơ sở toán học, vận dụng các công cụ toán trong phân tích kinh tế và tài chính. Nắm vững kiến thức nền tảng để nghiên cứu và áp dụng trong các học phần tiếp theo.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần tập trung vào các nội dung về kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến; Hàm nhiều biến; Các bài toán cực trị; phép tính tích phân; Phương trình vi phân.

❖ **Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I); PLO3(I); PLO5(R); PLO9(I); PLO10(I)**

13.12. Tin học ứng dụng: 4TC

❖ Học phần học trước: Không

❖ **Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:**

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên phát triển nâng cao các kỹ năng số cần thiết như soạn thảo văn bản đúng kỹ thuật; thiết kế báo cáo khoa học đạt chuẩn; soạn bài thuyết trình ấn tượng; khai thác xử lý dữ liệu với bảng tính, tìm kiếm tài liệu trên Internet hiệu quả, từ đó ứng dụng vào những hoạt động học tập cũng như làm việc sau này. Bên cạnh đó, sinh viên còn vận dụng được các kiến thức và kỹ năng cần thiết như khai thác sử dụng không gian đám mây (cloud); sử dụng các phần mềm trực tuyến (online app); thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến (online survey) và thu thập, xử lý kết quả khảo sát để thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tin học ứng dụng phát triển kỹ năng soạn thảo văn bản đúng kỹ thuật, đúng quy cách; trình bày báo cáo khoa học; soạn bài thuyết trình ấn tượng; xử lý dữ liệu với bảng tính, phân tích dữ liệu, tìm kiếm tài liệu trên Internet. Thông qua học phần này, người học có thể phát triển các kỹ năng số như khai thác không gian đám mây; sử dụng các phần mềm trực tuyến; thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học các kiến thức thích ứng Cách mạng công nghiệp 4.0 như chuyển đổi số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, chuỗi khối, Internet vạn vật và các công nghệ nổi bật khác trong kỷ nguyên số. Bên cạnh đó, học phần Tin học ứng dụng đảm bảo cung cấp các kiến thức hỗ trợ chuẩn đầu ra Tin học của trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2 (I)

13.13. Kinh tế vi mô 1: 3TC

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các khái niệm cung cầu, cách thức ra quyết định của người tiêu dùng, sự vận hành của các loại thị trường; Cách thức ra quyết định của các doanh nghiệp trong các loại thị trường.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Kinh tế vi mô 1 tập trung vào một số nội dung quan trọng như những vấn đề kinh tế cơ bản về thị trường; Lý thuyết cầu, cung; Độ co giãn cầu cung, Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết về sản xuất, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp; Quan hệ cung cầu về lao động, vốn, đất đai trên thị trường các yếu tố đầu vào; Các quyết định về giá, sản lượng và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường khác nhau cũng như những hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của Chính phủ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5 (R), PLO9 (R).

13.14. Kinh tế vĩ mô 1: 3TC

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được cách thức vận hành của tổng thể nền kinh tế; nhận biết được những chỉ tiêu đo lường các biến kinh tế vĩ mô; giải thích mối quan hệ tương tác giữa các chỉ tiêu kinh tế

vĩ mô và đánh giá tác động của các chính sách của chính phủ để điều tiết nền kinh tế giúp cho nền kinh tế ổn định, tăng trưởng...

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần kinh tế vĩ mô 1 giới thiệu một số nội dung cơ bản như Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Tổng cầu và chính sách tài khóa; Tiền tệ và chính sách tiền tệ; Tổng cung và chu kỳ kinh doanh; các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế; Thất nghiệp và lạm phát; Tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái, chính sách thương mại và các phối hợp chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5 (R), PLO9 (R).

13.15. Nguyên lý kế toán (Principles of accounting): 3 TC

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

- Hiểu rõ những nội dung cơ bản về kế toán.

- Vận dụng quy trình và các phương pháp kế toán để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.

- Có ý thức tuân thủ những nguyên tắc, quy định pháp lý của kế toán. Tự chủ trong việc đưa ra các ý kiến, nhận xét về các tình huống liên quan đến kế toán.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán để phản ánh quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5 (R).

13.16. Nguyên lý marketing: 3TC

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần Nguyên lý Marketing cung cấp cho người học các hiểu biết căn bản về marketing bao gồm khái niệm, vai trò nguyên tắc, quy trình và các nội dung phối thức marketing. Trên cơ sở các kiến thức căn bản, người học có thể phát triển kỹ năng nhận dạng, phân biệt và phân tích, đánh giá các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Học phần cũng giúp cho sinh viên phát triển các kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc độc lập, tính tự giác, khả năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình và phản biện. Học phần được thiết kế nhằm giúp người học có thể phát huy kỹ năng học tập và tự nghiên cứu sâu hơn về marketing cũng như sẵn sàng hướng dẫn hỗ trợ người khác trong việc nghiên cứu và thực hành các hoạt động marketing.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần nguyên lý marketing bao gồm 9 chương, trước hết làm rõ các khái niệm cơ bản của marketing như khái niệm, vai trò, chức năng và quy trình marketing, khái niệm về phối thức marketing, các vấn đề đạo đức trong hoạt động marketing cũng như các thay đổi của marketing trong bối cảnh hiện tại. Học phần cũng phân tích nội dung các hoạt động marketing (quá trình marketing) như phân tích môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng thông qua hoạt động nghiên cứu thị trường, chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược marketing và các chiến lược bộ phận gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5 (R), PLO9 (R).

13.17. Quản trị học: 3TC

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần, người học hình thành được kiến thức lý thuyết và thực tế tổng quan về hoạt động quản trị của tổ chức như phân tích môi trường quản trị, công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra và đánh giá kết quả công việc. Bên cạnh các kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm hướng đến hiệu quả cao và sự bình ổn tương đối của tổ chức. Người học có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng quản trị để thực hiện một số công việc, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác làm việc của cá nhân và của nhóm để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp liên quan trong thực tế công việc sau này.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Quản trị học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh và các ngành khác thuộc khối kinh tế. Quản trị học là học phần nghiên cứu các chức năng quản trị trong tổ chức bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, và kiểm soát. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hành các chức năng quản trị trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức. Đồng thời, học phần này tạo tiền đề cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách thức giải quyết vấn đề về quản trị của tổ chức.

Hình thức tổ chức dạy học: sinh viên học lý thuyết trên lớp với giảng viên; đồng thời thực hành những kỹ năng quản trị thông qua các bài tập, thảo luận nhóm với sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách học phần trong và ngoài giờ học

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5 (R), PLO10 (R)

13.18. Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1: 3 TC

❖ **Học phần học trước:** Kinh tế vi mô 1, kinh tế vĩ mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu các vấn đề liên quan đến

tiền tệ, lạm phát, tín dụng, lãi suất, tỷ giá và các vấn đề liên quan đến hệ thống tài chính; cách thức hoạt động của ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương trong hệ thống tài chính. Sinh viên tính toán và giải quyết được các bài toán kinh tế cơ bản như tính lãi suất, tỷ suất sinh lợi, lựa chọn cơ hội đầu tư cũng như đưa ra được những nhận định cá nhân về các vấn đề liên quan đến tiền tệ, ngân hàng, thị trường tài chính thông qua các tình huống thực tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nội dung Học phần sẽ khái quát các phạm trù liên quan đến Tài chính – Tiền tệ - Ngân hàng, các thuật ngữ gắn liền với các hoạt động kinh tế diễn ra hàng ngày: Tiền tệ, lãi suất, tín dụng ngân hàng, tỷ giá, lạm phát, vốn,... Bên cạnh thị trường hàng hóa, dịch vụ, còn có các thị trường tài chính, là những cầu phần không thể thiếu trong nền kinh tế và cũng là thị trường tác động mạnh mẽ đến hiệu quả của cả nền kinh tế. Các thị trường này điều tiết dòng vốn cho mọi hoạt động kinh tế, cung cấp thêm cơ hội đầu tư, công cụ phòng vệ rủi ro đồng thời góp phần làm tăng thanh khoản cho cả nền kinh tế. Các thị trường tài chính tiêu biểu gồm: thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu, thị trường tiền tệ, thị trường vốn,... Học phần cũng đưa ra những bài thực hành cơ bản về đầu tư như: tính tỷ suất sinh lợi của một khoản đầu tư, so sánh các cơ hội đầu tư, so sánh giữa lợi ích và rủi ro, đưa ra các quyết định đầu tư cơ bản dựa trên các tín hiệu thị trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5 (R), PLO9 (M).

13.19. Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng: 3 TC

❖ Học phần học trước: Toán cao cấp.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết về mẫu ngẫu nhiên, bài toán ước lượng và kiểm định thống kê. Xây dựng và đưa ra các mô hình xác suất và thống kê để giải quyết các bài toán liên quan trong lĩnh vực kinh tế, tài chính và quản trị.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của hiện tượng ngẫu nhiên và cách tính xác suất của biến cố ngẫu nhiên cùng các đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Mẫu ngẫu nhiên, Ước lượng tham số của mẫu, kiểm định giả thuyết thống kê và ứng dụng trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (I); PLO5(R); PLO9(R); PLO10(R).

13.20. Kinh tế vi mô ứng dụng trong quản lý kinh tế: 3 TC

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có được những kiến thức nâng cao về kinh tế học vi mô dùng để phân tích phúc lợi xã hội khi có những chính sách của chính phủ và tác động của các chính sách đối với thị trường. Học phần này còn ứng dụng lý thuyết kinh tế học trong bảo hiểm, kế toán; ứng dụng lý thuyết kinh tế vi mô trong ra quyết định quản lý. Ngoài ra, cũng đi sâu phân tích những thất bại của thị trường như: bất cân xứng thông tin, ngoại tác, hàng hóa công, chiến lược định giá khi có sức mạnh thị trường doanh nghiệp

- *Tóm tắt nội dung* : Học phần này trang bị cho người học những kiến thức nâng cao về kinh tế học vi mô dùng để phân tích tác động đối với phúc lợi xã hội khi có những chính sách của chính phủ (như: thuế, trợ giá, hạn ngạch, . . .) tác động đối với thị trường, cũng đi sâu phân tích những thất bại của thị trường như: bất cân xứng thông tin, ngoại tác, hàng hóa công, chiến lược định giá khi có sức mạnh thị trường của các doanh nghiệp. Từ đó, giúp người học có khả năng hiểu và phân tích tác động của các chính sách đối với từng thị trường, đề ra quyết sách.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2 (M), PLO3 (M), PLO5 (M), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.21. Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong quản lý kinh tế: 3TC

❖ Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô 1.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần*:

Sau khi học xong học phần này, người học có được những kiến thức nâng cao về kinh tế học vĩ mô dùng giúp người học có thể phân tích, bình luận, phản biện hoặc ứng xử với chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ, dự báo tác động của các chính sách đối với các hoạt động kinh tế.

- *Tóm tắt nội dung*: Học phần này nhằm giúp người học ứng dụng các lý thuyết kinh tế vĩ mô vào thực tế để hiểu và phân tích thực trạng của các nền kinh tế, cũng như sẽ giới thiệu các mô hình kinh tế được sử dụng để phân tích hiệu quả của các chính sách kinh tế vĩ mô trong thực tế. Từ đó, giúp người học có khả năng hiểu, phân tích và dự báo được tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong đời thực, nhằm giúp cho nhà kinh tế, quản lý có cơ sở khoa học để ra quyết định.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2 (M), PLO3 (M), PLO5 (M), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.22. Kinh tế lượng: 3TC

❖ Học phần học trước: Lý thuyết xác suất thống kê ứng dụng, Kinh tế vĩ mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần*:

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về phân tích tương quan và hồi quy; xây dựng mô hình ước lượng và kiểm định cho các hệ số hồi quy; Kiểm định sự phù hợp của mô hình và các giả thuyết trên các mô hình. Ứng dụng vào phân tích và dự báo cho các vấn đề liên quan đến Tài chính, kinh tế và quản trị. Làm công cụ nền tảng cho các học phần sau.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2 (M), PLO3 (R), PLO5 (R), PLO10 (M)

13.23. Kinh tế đầu tư: 3TC

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Giúp người học hiểu được bản chất kinh tế của hoạt động đầu tư và quy trình của hoạt động đầu tư việc lập kế hoạch, tổ chức quản lý, triển khai hoạt động đầu tư và đánh giá kết quả đầu tư; đặc biệt là người học nắm bắt và vận dụng được những kiến thức trong các vấn đề quan hệ quốc tế của hoạt động đầu tư, từ góc độ tổng quát cũng như trong từng hoạt động cụ thể.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển kinh tế như xem xét các nguồn vốn và các giải pháp huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư phát triển, xem xét các nội dung của vốn đầu tư và phân loại các hoạt động đầu tư nhằm đáp ứng các yêu cầu của quản lý và đầu tư phát triển có hiệu quả. Đồng thời, học phần cũng xem xét tới các nhân tố ảnh hưởng tới chi tiêu đầu tư và các nội dung đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO5 (M), PLO7 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.24. Kinh tế quốc tế: 3TC

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, nghiên cứu sự phụ thuộc của các quốc gia, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa giữa một quốc gia với phần còn lại của thế giới và những ảnh hưởng đến phúc lợi quốc gia. Học phần cũng giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế, sự hình thành và thay đổi giá trên thị trường quốc tế, khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia, ảnh hưởng của tăng trưởng đến thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần này giới thiệu hệ thống các lý thuyết về thương mại quốc tế, các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế quốc tế như thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán, các định chế tài chính quốc tế, các hình thức liên kết quốc tế, cũng như ứng dụng các lý thuyết kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô để phân tích tác động của các chính sách thương mại quốc tế. Từ đó, người học có thể hiểu được những hiện tượng trong đời sống kinh tế thực, hiểu được tác động của xu hướng hội nhập kinh

tế quốc tế có thể ảnh hưởng như thế nào đối với từng doanh nghiệp, từng tổ chức, từng địa phương, từng quốc gia trong quá trình ra quyết định và thực thi.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (M), PLO4 (M), PLO5 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.25. Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên: 2TC

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Kinh tế môi trường và Quản lý tài nguyên nhằm giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế với môi trường và ngược lại. Học phần thảo luận về các vấn đề lý thuyết và các công cụ có thể được sử dụng để hiểu và đo lường được các mối quan hệ đó, từ đó có những quyết định đúng đắn làm thế nào để quản lý các nguồn tài nguyên môi trường một cách tốt nhất.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này bao gồm các nội dung: mối quan hệ giữa môi trường thiên nhiên và tăng trưởng kinh tế; Kinh tế học về chất lượng môi trường; phân tích hoạt động kinh tế tác động đến môi trường và Quản lý môi trường. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu một số các chính sách để quản lý việc sử dụng nguồn tài nguyên một cách hiệu quả trong quá trình tăng trưởng kinh tế. Từ đó, giúp nhà quản lý kinh tế biết cách sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả, và có ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên khi ra quyết sách.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO8 (M), PLO9 (M).

13.26. Kinh tế phát triển: 3TC

❖ Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này cung cấp cho người học có kiến thức vững vàng trong phân tích, đánh giá tình hình tăng trưởng và phát triển ở một quốc gia, địa phương cụ thể. Trên cơ sở đó người học có thể xây dựng một mô hình phù hợp để phát triển kinh tế địa phương hay quốc gia của mình.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này giới thiệu cho người học các lý thuyết khác nhau về tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là nguyên lý kinh tế để phát triển trong điều kiện các nước đang phát triển. Từ đó, giúp người học có thể hiểu về mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế rất khác nhau ở các nền kinh tế, các quốc gia, cũng như các giải pháp xóa nghèo, để có thể ứng dụng, lựa chọn mô hình tăng trưởng kinh tế phù hợp với địa phương cụ thể.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (M), PLO4 (M), PLO5 (M), PLO9 (M), PLO10 (M).

13.27. Kinh tế công cộng: 3TC

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Người học biết, hiểu và vận dụng linh hoạt các kiến thức về khu vực công trong phân bổ nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, trong đảm bảo công bằng xã hội và ổn định kinh tế vĩ mô, từ đó hình thành kỹ năng vận dụng linh hoạt các kiến thức để đánh giá và đề xuất các giải pháp mang lại hiệu quả cho hoạt động kinh tế của khu vực công.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này giới thiệu cách tiếp cận mọi vấn đề trong quản lý kinh tế dưới góc độ phân tích những chính sách quản lý kinh tế công sẽ ảnh hưởng như thế nào đến phúc lợi xã hội

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO4 (M), PLO8 (M), PLO9 (M).

13.28. Phân tích và Dự báo kinh tế: 3TC

❖ Học phần học trước: Lý thuyết Xác suất và thống kê ứng dụng

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về phân tích và dự báo; Phân biệt được các dạng dữ liệu trong phân tích, hiểu một số phương pháp phân tích trong kinh tế, vận dụng chúng trong phân tích các hoạt động thực tiễn có liên quan đến lĩnh vực kinh tế và quản lý.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này bao gồm các nội dung: Tổng quan về Phân tích và dự báo; Phân tích thống kê mô tả; Phân tích tương quan; Phân tích chuỗi thời gian; Dự báo chuỗi thời gian; Mô hình ARIMA. Ngoài ra Học phần còn giới thiệu cho người học kỹ thuật phân tích thống kê, kỹ năng sử dụng các phần mềm dự báo, phân tích dữ liệu thông dụng SPSS, eviews, stata...

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO5 (M), PLO7 (M), PLO10 (M).

13.29. Thực hành nghề nghiệp 1: 3TC

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về liên quan đến chuyên ngành. Tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu và giải quyết những vấn đề thực tiễn trong quản lý kinh tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Thực hành nghề nghiệp 1 là một học phần bắt buộc trong qui trình đào tạo cử nhân đại học chuyên ngành QLKT, trường Đại học Tài chính – Marketing, nhằm thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Những nội dung của học phần này giúp SV có khả năng vận dụng lý thuyết đã học, từ đó đưa ra nhận xét

và đề xuất những kiến nghị về các giải pháp để giải quyết các tình huống quản lý từng lĩnh vực cụ thể.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2 (M), PLO3 (M), PLO4(M), PLO5 (M), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M).

13.30. Pháp luật quản lý kinh tế: 3TC

❖ Học phần học trước: Pháp luật đại cương.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu của học phần:

Học phần này người trang bị cho người học kiến thức pháp luật về quản lý kinh tế có thể hiểu và giải quyết các vụ việc theo quy định của pháp luật thực định trong quản lý hoạt động đầu tư, kinh doanh; đưa ra các kiến nghị, đề xuất liên quan đến các hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư, kinh doanh và có khả năng đưa ra các quyết định.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần trang bị các kiến thức pháp lý cơ bản liên quan đến việc phân cấp quản lý cũng như phạm vi điều chỉnh một số luật để người học tiếp cận với các Học phần chuyên ngành liên quan đến pháp luật như Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Luật quy hoạch; Luật đầu tư công; Luật doanh nghiệp; Luật các tổ chức tín dụng; Luật chứng khoán; Luật thuế; Luật đất đai ...

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO3 (M), PLO4 (R), PLO7 (R), PLO9 (M).

13.31. Quản lý nhà nước về kinh tế: 3TC

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho người học hệ thống kiến thức về quản lý nhà nước về kinh tế ở các cấp độ quốc gia/ngành/địa phương để có thể khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm đạt tới các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho người học lý thuyết và công cụ để quản lý kinh tế ở địa phương, hay quốc gia. Học phần sẽ giúp người học nắm được vấn đề chung về quản lý nhà nước về kinh tế, hiểu được những đặc trưng cơ bản; cơ chế, chức năng và nguyên tắc, phương pháp và công cụ về quản lý nhà nước về kinh tế để đảm bảo các nguồn lực của nền kinh tế phân bổ hợp lý và sự vận hành thông suốt của nền kinh tế giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương, của quốc gia trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO9 (M).

13.32. Marketing địa phương: 3TC

❖ Học phần học trước: Nguyên lý Marketing.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu của học phần:

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này nhằm cung cấp cho người học kiến thức về vai trò của marketing địa phương trong quản lý kinh tế. Đồng thời, nhằm cung cấp kỹ năng xây dựng chiến lược marketing địa phương theo chiến lược phát triển kinh tế quốc gia, và chiến lược phát triển địa phương, cũng như quá trình thực hiện, kiểm tra, quảng bá, thực thi chiến lược marketing địa phương nhằm xây dựng một hình ảnh, một thương hiệu cho địa phương trong quá trình quản lý kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (A), PLO8 (M), PLO9 (M), PLO10 (M).

13.33. Chính sách kinh tế: 3TC

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chính sách kinh tế và vận dụng kiến thức vào các vấn đề về hoạch định, tổ chức thực hiện các chính sách kinh tế và phân tích các hoạt động đánh giá, điều chỉnh và tổng kết các chính sách kinh tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này nghiên cứu các nội dung chủ yếu sau: Tổng quan về chính sách kinh tế trong nền kinh tế thị trường; Hoạch định, tổ chức thực hiện, phân tích và đánh giá chính sách kinh tế; Phân tích và đánh giá chính sách tài khóa; Chương 4: Phân tích và đánh giá chính sách tiền tệ; Phân tích và đánh giá chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế đối ngoại

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO4 (M), PLO5 (M), PLO8 (M), PLO9 (M).

13.34. Thẩm định và quản lý dự án đầu tư: 3TC

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Thẩm định và quản lý dự án đầu tư trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, công cụ và kỹ thuật vào việc lập, thẩm định và quyết định các chương trình và dự án công. Tổ chức thực hiện và kiểm soát quá trình thẩm định và thực hiện dự án công để đạt được các mục tiêu đầu tư.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này giới thiệu những kiến thức cơ bản về những nguyên tắc và kỹ thuật phân tích, đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư công trên các khía cạnh tài chính, kinh tế, xã hội giúp tổ chức đưa ra quyết định lựa chọn phương án đầu tư hiệu quả và giảm thiểu rủi ro khi đưa ra quyết định đầu tư. Ngoài ra, học phần này cũng trang bị cho người học các tiêu chuẩn để đánh giá dự án và các quy tắc lựa chọn dự án đầu tư khả thi.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (A), PLO8 (M), PLO9 (M).

13.35. Thực hành nghề nghiệp 2: 3TC

❖ Học phần học trước: thực hành nghề nghiệp 1.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về liên quan đến chuyên ngành. Tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu và giải quyết những vấn đề thực tiễn trong quản lý kinh tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Thực hành nghề nghiệp 2 được thiết kế gồm các nội dung: Chương 1: Giới thiệu khái quát về đặc điểm kinh tế, tổ chức của đơn vị thực hành; Chương 2: Trình bày dưới dạng mô tả hoạt động thực tế; Chương 3: So sánh thực tế và lý thuyết đã học ở trường và rút ra bài học kinh nghiệm. Những nội dung của học phần này người học có khả năng vận dụng lý thuyết để đánh giá, phân tích các lĩnh vực hoạt động quản lý cụ thể trong một tổ chức như quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý quy hoạch ... từ đó đưa ra nhận xét và đề xuất những ý kiến cá nhân về các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý từng lĩnh vực cụ thể.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO5 (M), PLO8 (M), PLO9 (M).

13.36. Quản lý tài chính công: 3TC

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này trang bị cho người học kiến thức chung về tài chính công và quản lý tài chính công và đánh giá kết quả hoạt động quản lý tài chính công, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học về quản lý tài chính công.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Quản lý tài chính công gồm 2 khối kiến thức có bản: Khối kiến thức lý luận chung về tài chính công và quản lý tài chính công. Khối kiến thức lý luận về NSNN, phân cấp quản lý NSNN, quy trình NSNN, tổ chức cân đối NSNN và quản lý nợ công, quản lý các quỹ ngoài ngân sách, đánh giá kết quả hoạt động quản lý tài chính công.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (A), PLO8 (M), PLO9 (M).

13.37. Kế toán hành chính sự nghiệp: 3TC

❖ Học phần học trước: Kế toán tài chính 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

- Trình bày được khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ, môi trường pháp lý, tổ chức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp;

- Vận dụng các phương pháp và nguyên tắc kế toán để thực hiện được quy trình kế

toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp;

- So sánh được phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế cơ bản trong các đơn vị hành chính sự nghiệp với các doanh nghiệp;

- Kiểm tra được việc ghi sổ và trình bày thông tin lên báo cáo kế toán.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về công tác kế toán tại các đơn vị hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị, xã hội có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; giúp người học so sánh được công việc kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp và kế toán tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, từ đó vận dụng tốt công việc kế toán trong mọi lĩnh vực kinh tế, đời sống xã hội.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4 (M), PLO8 (M), PLO9 (M).

13.38. Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting 1): 3 TC

- ❖ Học phần học trước: Nguyên lý kế toán

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ, vai trò, nguyên tắc, tổ chức công tác kế toán và môi trường pháp lý trong lĩnh vực kế toán tài chính.

- Phân biệt được các đối tượng kế toán trong lĩnh vực kế toán tài chính.

- Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp kế toán để thực hiện các quy trình kế toán cơ bản trong doanh nghiệp.

- Kiểm tra được việc ghi sổ và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính

- Đề xuất quy trình cơ bản để xử lý nghiệp vụ kế toán đối với các tình huống được giả định trong lĩnh vực kế toán tài chính.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc và phương pháp kế toán (trình tự thủ tục xử lý, luân chuyển chứng từ, ghi sổ và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính) của các đối tượng: vốn bằng tiền, nợ phải thu và tạm ứng; hàng tồn kho; tài sản cố định và bất động sản đầu tư; nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, thu nhập, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (R), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.39. Phân tích tài chính: 3TC

- ❖ Học phần học trước: Không

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Mục tiêu của học phần này nhằm giúp người học hiểu hơn về các Báo cáo tài chính, qua đó phát triển khả năng của người học trong việc nhìn nhận, đánh giá về tình hình tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho việc xử lý và ra quyết định của các đối tượng liên quan đến doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu này, học phần đề cập đến nội dung cơ bản về phân tích tài chính trong các doanh nghiệp (phương pháp, kỹ năng phân tích tài chính chủ yếu...). Vận dụng những kiến thức này người học sẽ phân tích được tình hình tài chính của tất cả các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế.

- *Tóm tắt nội dung Học phần:* Trang bị cho sinh viên những phương pháp phân tích, cung cấp những nội dung cần phân tích, cũng như dự báo tài chính doanh nghiệp làm cơ sở ra quyết định phù hợp với mục tiêu của người phân tích.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO7 (R), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.40. Đàm phán trong quản lý kinh tế: 3TC

- ❖ Học phần học trước:

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này giúp người học hiểu và vận dụng được các nguyên tắc cơ bản của đàm phán; Xây dựng kế hoạch chiến lược để đàm phán hiệu quả; Phân tích được các vấn đề quản lý và điều kiện của tổ chức, các bối cảnh chính trị, kinh tế xã hội và các vấn đề quốc tế, vấn đề đạo đức để làm cơ sở thực hiện đàm phán.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần này bao gồm các nội dung về những phương pháp và kỹ năng đàm phán trong quản lý kinh tế phục vụ cho công việc trong môi trường quản lý như giao tiếp, tổ chức hội họp, thiết lập văn bản, thương lượng, thuyết trình, đàm phán với các tổ chức cung cấp dịch vụ công, các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước và với người dân nhằm mục đích cung cấp hiệu quả nhất dịch vụ công cho xã hội.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO5 (M), PLO9 (M), PLO10 (M)

13.41. Quản lý hành chính văn phòng: 3TC

- ❖ Điều kiện tiên quyết:

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này giúp sinh viên hiểu được các nghiệp vụ cơ bản trong công tác văn phòng. Ngoài ra, Học phần này còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết của quy trình quản trị các hoạt động hành chính trong các văn phòng, đặc biệt là các cơ quan hành chính nhà nước. Cùng với đó là những kỹ năng cơ bản trong hoạt động nghiệp vụ văn phòng như: tiến trình xử lý công văn, thu thập xử lý thông tin, hoạch định tổ chức các cuộc hội họp, các chuyển công tác.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chung trong lĩnh vực quản lý hành chính một văn phòng của doanh nghiệp. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản cách thức tổ chức và điều hành một văn phòng doanh nghiệp. Ngoài các ra còn đề cập và trang bị một số kiến thức về các nghiệp vụ cơ bản của công tác hành chính văn phòng như, tổ chức sắp xếp nơi làm việc, hội họp, lưu trữ, soạn thảo văn bản.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO5(M), PLO9(M).

13.42. Kinh doanh quốc tế 1: 3TC

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này giúp sinh viên hiểu được các hoạt động kinh doanh trong môi trường quốc tế. Sinh viên nắm vững những kiến thức căn bản về hoạt động kinh doanh quốc tế như sự hình thành và phát triển của kinh doanh quốc tế, các thành tố tạo nên môi trường kinh doanh quốc tế; phân tích đánh giá môi trường kinh doanh cũng như các chiến lược kinh doanh quốc tế trong môi trường đó, các phương thức thâm nhập vào thị trường nước ngoài của doanh nghiệp khi tham gia vào hoạt động kinh doanh quốc tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Kinh doanh quốc tế 1 là học phần thuộc khối kiến thức chung bắt buộc của ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh trong môi trường quốc tế. Học phần sẽ trang bị kiến thức về hoạt động kinh doanh quốc tế, các thành tố tạo nên môi trường kinh doanh quốc tế và tác động của nó đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, chiến lược kinh doanh quốc tế và các phương thức thâm nhập vào thị trường nước ngoài của các doanh nghiệp khi tham gia hoạt động kinh doanh quốc tế. Đồng thời, sinh viên được tiếp cận với một số tình huống thường gặp trong thực tiễn hoạt động kinh doanh quốc tế; các quan điểm và cách thức giải quyết nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, năng lực tư duy trong hoạt động kinh doanh quốc tế; cũng như phẩm chất nghề nghiệp trước và sau khi tốt nghiệp. Học phần làm nền tảng để người học có thể học tập, nghiên cứu các học phần sau như Kinh doanh quốc tế 2, Đầu tư quốc tế, Giao dịch thương mại quốc tế, Quản trị xuất nhập khẩu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO8(M).

13.43. Quản trị nguồn nhân lực: 3TC

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Giải thích và sử dụng được lý thuyết về các hoạt động quản trị nhân lực để phân tích công việc, hoạch định nhân lực, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá nhân viên, trả công lao động và quan hệ lao động trong tổ chức Giải thích được ba chức năng thu hút, duy trì và sử dụng, đào tạo và phát triển nhân lực trong tổ chức.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho người học viên lý thuyết và công cụ để quản lý và phát triển nguồn nhân lực của địa phương hoặc tổ chức kinh tế, từ hoạch định nguồn nhân lực, đến việc lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện, sử dụng nguồn nhân lực, việc xây dựng các chính sách khen thưởng và kỷ luật để giữ vững nguồn nhân lực. Đặc biệt, học phần còn thảo luận về chính sách quản lý nhân tài, dự toán kinh phí cho việc quản lý nguồn nhân lực cho địa phương, và các biện pháp quản lý rủi ro và bảo vệ nguồn nhân lực cho địa phương.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO7 (M), PLO8 (M).

13.44. Tình huống quản lý kinh tế: 3TC

- ❖ Điều kiện tiên quyết:

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể vận dụng được những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kinh tế và quản lý; sử dụng các kỹ năng và nhận thức của một nhà quản lý để nghiên cứu các tình huống xảy ra trong thực tiễn trong quản lý kinh tế.

- *Tóm tắt nội dung:* Tình huống quản lý kinh tế cung cấp cho người học những kinh nghiệm thực tế trong việc xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề trong quản lý kinh tế nhờ sự giúp đỡ của người hướng dẫn. Thông qua nghiên cứu tình huống, người học sẽ có nhiều cơ hội tiếp cận các bản mô tả các vấn đề về tổ chức, các tình huống về chính sách, về quản lý kinh tế diễn ra trong thực tiễn, từ đó người học sẽ tự phân tích các tình huống, dự đoán vấn đề và trình bày các phương pháp giải quyết của mình sau đó thảo luận, đánh giá để tìm ra giải pháp tối ưu.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (M), PLO2 (A), PLO3 (A), PLO4 (A), PLO5 (M), PLO6 (A), PLO7 (A), PLO8 (A), PLO9 (A), PLO10 (A).

13.45. Khóa luận tốt nghiệp: 6TC

- ❖ Điều kiện tiên quyết: Đảm bảo điều kiện khóa luận tốt nghiệp theo quy định nhà trường.

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể vận dụng lý thuyết kinh tế và các công cụ, phương pháp quản lý để chỉ ra những thành tựu và hạn chế trong quản lý kinh tế trên phạm vi quốc gia, ngành, vùng, tổ chức kinh tế. Từ đó có thể so sánh, đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để đề xuất kiến nghị phù hợp

- *Tóm tắt nội dung:* Chuyên đề tốt nghiệp giúp cho sinh viên tiếp cận, nghiên cứu một đề tài cụ thể trong thực tiễn, hình thành tác phong nghiên cứu khoa học, có kiến giải độc lập về một đề tài cụ thể.

Nếu đạt yêu cầu để làm khóa luận, sinh viên sẽ đào sâu nghiên cứu nâng báo cáo chuyên đề thực tập thành khóa luận tốt nghiệp; trường hợp ngược lại, sinh viên sẽ học Học phần thay thế khóa luận.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (M), PLO2 (A), PLO3 (A), PLO4 (A), PLO5 (M), PLO6 (A), PLO7 (A), PLO8 (A), PLO9 (A), PLO 10 (A).

13.46. Thực tập tốt nghiệp: 3TC

❖ Điều kiện tiên quyết: Đảm bảo điều kiện thực tập tốt nghiệp theo quy định nhà trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể liên quan đến chuyên ngành, giúp người học có thể so sánh, đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để đề xuất kiến nghị phù hợp, tạo khả năng tự nghiên cứu và thích ứng với công việc sau khi tốt nghiệp.

Tóm tắt nội dung: Thực tập tốt nghiệp giúp cho sinh viên tiếp cận, nghiên cứu một vấn đề cụ thể trong thực tiễn nhằm kiến giải về một vấn đề cụ thể. Sinh viên chọn đề tài nghiên cứu hoặc giải quyết một vấn đề cụ thể của chuyên ngành Quản lý kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2 (M), PLO3 (A), PLO4 (A), PLO5 (A), PLO7 (A), PLO8 (A), PLO9 (A).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Tiến Đạt

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG CTĐT**

TS. Đoàn Ngọc Phúc

